

Bản án số: 35/2019/DS-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v “T/c Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lê Thành Thật**

2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-DS ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV NK

Địa chỉ: Số 01, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bá V, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV; Mã số doanh nghiệp: 1601685568; Đăng ký lần đầu ngày 21/3/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 12/9/2016).

2. Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 19/13, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty TNHH MTV NK trình bày:

Ngày 11/11/2017, ông Trần Đức T (chủ cơ sở nấu ăn ĐT) thỏa thuận với Công ty TNHH MTV NK LX (gọi tắt là Công ty NK LX) ký hợp đồng mua bán tài sản số 108.2017/NK/GĐ/HĐ để mua thiết bị điện máy, điện tử phục vụ cho cơ sở nấu ăn của ông T. Ngày 19/3/2018, Công ty NK đã tiến hành giao hàng và tiến hành lắp ráp các thiết bị điện máy theo yêu cầu của ông T, hai bên ký bằng kê hàng hóa với số tiền 385.761.000đ. Theo hợp đồng, tại điều khoản thanh toán thì ông T có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Công ty NK bằng hình thức chuyển khoản, đợt 1: thanh toán 40% giá trị hợp đồng, đợt 2: thanh toán phần còn lại trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hàng.

Ngày 27/4/2018 và ngày 22/6/2018, ông T thanh toán được 50.000.000đ. Ngày 11/9/2018, Công ty NK và ông Trần Đức T ký biên bản xác nhận công nợ thể hiện số tiền còn nợ là 335.761.000đ và ông T không thanh toán nợ như cam kết nên Công ty NK khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đức T phải có nghĩa vụ trả số tiền mua tài sản còn nợ là 335.761.000đ và lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 11/12/2017 đến ngày khởi kiện 19/10/2018 là 288 ngày tương đương với số tiền 39.739.385đ, đồng thời yêu cầu được tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/10/2018 cho đến khi vụ kiện kết thúc.

* Bị đơn ông Trần Đức T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn, ông Trần Bá V trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty NK số tiền mua tài sản còn nợ là 335.761.000đ, đồng thời rút lại yêu cầu tính lãi như nội dung đơn khởi kiện, xác định yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 17/10/2018 đến ngày xét xử, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo tờ cam kết trả nợ ngày 26/9/2018,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty NK và bị đơn ông Trần Đức T (là chủ cơ sở dịch vụ nấu ăn Đức T) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty NK có tư pháp pháp nhân, hoạt động theo loại hình Công ty TNHH, còn ông T với tư cách là cá nhân mua sắm các thiết bị điện lạnh, điện tử tại Công ty NK để trang trí cố định

tại cơ sở nấu ăn, không nhằm mục đích để mua bán sinh lợi nhuận. Tuy nhiên khi ký hợp đồng, ông T không cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc một trong các loại hình doanh nghiệp theo quy định nên không có căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, xác định đây là tranh chấp Hợp đồng dân sự (Hợp đồng mua bán tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn Công ty NK do ông Trần Bá V đại diện theo pháp luật của Công ty khởi kiện và xác định ông Trần Đức T là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Bị đơn ông Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Ngoài ra, tại Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty NK và ông Trần Đức T thể hiện rõ địa chỉ số 19/13, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Đức T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự ngày 11/11/2017, thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 11/12/2017. Xét nội dung và hình thức thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn nợ 335.761.000đ.

Qua trình bày của nguyên đơn Công ty NK và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn Công ty NK và bị đơn Trần Đức T có xác lập hợp đồng mua bán tài sản bằng văn bản, nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận giữa các bên về thời gian giao dịch, chất lượng, nguồn gốc hàng hóa, phương thức giao nhận, lắp đặt, bảo hành, bảo trì và điều khoản thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn Công ty NK đã tiến hành giao hàng, lắp ráp các trang thiết bị điện lạnh, điện tử theo yêu cầu của bị đơn Trần Đức T, còn

nghĩa vụ của ông T là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty thành 02 đợt, (đợt 1 thanh toán 40% giá trị hợp đồng, đợt 2 thanh toán phần còn lại trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hàng).

Ngày 27/4/2018 và ngày 22/6/2018, ông T có đến thanh toán cho Công ty NK được 50.000.000đ thì ngưng mặc dù Công ty NK đến gặp ông T nhiều lần để nhắc nợ. Đến ngày 26/9/2018, ông T viết cam kết thanh toán nợ cho Công ty NK, với nội dung: “Sẽ thanh toán 100.000.000đ chậm nhất vào ngày 17/10/2018, số tiền còn lại sẽ thanh toán vào ngày 31/12/2018” nhưng ông T không thực hiện, điều này thể hiện bị đơn đã vi phạm Điều 5 của hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ 335.761.000đ là có căn cứ, phù hợp Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi do chậm trả trên số tiền 335.761.000đ, thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi kể từ ngày 17/10/2018 đến ngày xét xử 05/7/2018.

Xét thấy, tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Như vậy, việc Nguyên đơn Công ty NK yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền còn nợ kể từ ngày 17/10/2018 (xác định là ngày vi phạm theo tờ cam kết trả nợ do ông Trường viết ngày 26/9/2018) đến ngày xét xử là phù hợp. Đối với việc thay đổi thời gian tính lãi từ ngày 11/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, việc thay đổi không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất phát sinh do chậm trả tiền để tính lãi đối với số tiền 335.761.000đ kể từ ngày 17/10/2018 đến ngày xét xử (ngày 05/7/2019) là 09 tháng 18 ngày. Cụ thể như sau: $335.761.000đ \times 9 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 10\%/năm \text{ (tương đương } 0,83\%/tháng) = 27.032.000đ$.

[3] Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn ông Trần Đức T không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty NK số tiền 362.793.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 335.761.000đ, lãi chậm trả là 27.032.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Đức T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV NK được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219; Điều 235; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Điều 6 Nghị quyết 04/2017/HĐTP – TANDTC ngày 05/5/2017;

Xử vắng mặt bị đơn Trần Đức T.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV NK đối với bị đơn ông Trần Đức T.

Buộc ông Trần Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV NK số tiền 362.793.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 335.761.000đ, tiền lãi chậm trả là 27.032.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đức T phải nộp 18.139.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV NK 9.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010722 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV NK được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Trần Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.L;
- VKSND TP.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam